TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 28/3/2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Thiều Thị Phi L – Cán bộ hưu trí
2. Ông Trần Công D – Cán bô hưu trí
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Quốc B – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Đ – Kiểm sát viên.

Trong 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2023/QĐST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Phạm Thị T**, sinh năm: 1974.
Địa chỉ: Số 52, tổ 3, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đa N, sinh năm: 1974.
Địa chỉ: 58/22/34G Phan Chu T, Phường 24, quận B, Thành phố H.
Địa chỉ liên hệ: 09 Phan Văn T, Phường 14, quận B, Thành phố H. Giấy ủy quyền số 10902 ngày 29/4/2022)

2. Bị đơn: Bà **Đặng Thị V**, sinh năm 1975
Ông **Nguyễn P,** sinh năm 1975
Cùng địa chỉ: Tổ 8, khu phố L, Phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Mộng A**, sinh năm 1965.
Địa chỉ: số 52, tổ 3, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
(Ông N có mặt; bà V, ông P vắng mặt; ông A vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2022, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Ngô Đa N trình bày: Ngày 08/5/2020, bà Đặng Thị V và ông Nguyễn P có vay của bà Phạm Thị T số tiền 95.000.000 đồng (Chín trăm, năm mươi triệu đồng). Hình thức trả góp mỗi tháng 26.400.000 đồng (hai mươi sáu triệu, bốn

trăm nghìn đồng), thời hạn trả hết số tiền trên là 03 (ba) năm. Cùng ngày 08/5/2020 ông Nguyễn P và bà Đặng Thị V vay thêm 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Tổng số tiền bà V, ông P vay bà T là 990.000.000 đồng (Chín trăm, chín mươi triệu đồng), ông P, bà V trả góp hàng tháng 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng). Thỏa thuận thời gian trả tiền là 03 (ba) năm bị đơn phải trả hết nợ cho nguyên đơn là bà T. Khi vay các bên có làm giấy vay giấy đánh máy và giấy viết tay, lãi suất thỏa thuận là 0%/01 tháng.

Tổng cộng số tiền ông Nguyễn P, bà V còn nợ bà T là 990.000.000đồng (Chín trăm, chín mươi triệu đồng). Mặc dù, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông P, bà V trả toàn bộ số tiền ông P, bà V còn nợ nhưng ông P, bà V không hợp tác trả nợ. Nay bà T yêu cầu tòa án giải quyết những vấn đề sau đây.

- Buộc ông Nguyễn P và bà Đăng Thị V phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 990.000.000đồng(Chín trăm, chín mươi triệu đồng), phải trả một lần. Nếu ông Nguyễn P, bà Đặng Thị V chậm trả phải chịu lãi suất theo quy định.

- Buộc ông P, bà V phải trả lãi suất như sau:

+ Lãi suất của khoản vay 990.000.000đ kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn P và bà Đặng Thị V đã được Tòa án niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông P, bà V vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và các phiên tòa xét xử nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn P và bà Đặng Thị V phải trả cho bà Phạm Thị T tổng số tiền 990.000.000đồng (Chín trăm, chín chục triệu đồng) tiền gốc phải trả một lần, nếu chậm trả phải chịu lãi suất kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn P và bà Đặng Thị V phải trả cho bà Ttổng số tiền 990.000.000 đồng (Chín trăm, chín mươi triệu đồng) tiền nợ gốc. Nợ lãi nếu chậm trả phải trả từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu theo quy định của Bộ luật dân sự nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Phạm Thị T là nguyên đơn, ông Nguyễn P và bà Đăng Thị V là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn P, bà Đặng Thị V có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Đ căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về thủ tục tố tụng khác:

Anh Ngô Đa N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Giấy ủy quyền số 10902 ngày 29/4/2022. Bị đơn ông Nguyễn P, bà Đăng Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà V.

Ngày 27/3/2022, ông N đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về tổng số tiền nợ gốc 990.000.000đồng (Chín trăm, chín mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đối với số tiền 950.000.000đ ông P, bà V còn nợ bà T theo giấy vay tiền ngày 08/5/2020 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, tại giấy vay tiền ngày 08/5/2020 bà T cung cấp cho Tòa án thể hiện rõ bà T có cho ông P, bà V vay số tiền 950.000.000đồng (Chín trăm, năm mươi triệu đồng) ngày 08/5/2020. Các bên có thương lượng trả mỗi tháng vào ngày 12 tây hàng tháng với số tiền là 26.400.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng) cho đến thời điểm hiện nay ông P, bà V chưa trả cho bà thu bất kỳ khoản tiền nào.

- Đối với số tiền 990.000.000đồng được cộng dồn thêm 40.000.000 đồng + 950.000.000 đồng lần đầu cùng ngày 08/5/2020, bà T cho ông P, bà V vay thêm cùng ngày 08/5/2020. Việc vay mượn này thể hiện rõ tại giấy vay tiền ngày 08/5/2020. Trong suốt thời gian vay hai lần cùng ngày 08/5/2020 cho đến thời điểm hiện nay ông P, bà V chưa trả cho bà T bất kỳ khoản tiền nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Mặc dù, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P, bà V nhưng ông P, bà V vẫn không đến Tòa án để làm việc, hòa giải và xét xử được coi là trường hợp bỏ mặc Tòa án giải quyết tranh chấp giữa các đương sự và đương nhiên thừa nhận nợ.

Xét việc nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 990.000.000 đồng (Chín trăm chín mươi triệu đồng) của nguyên đơn như yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận..

[6] Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông P, bà V phải trả tiền gốc là 990.000.000 đồng (Chín trăm, chín mươi triệu đồng) phải trả đủ một lần. Trường hợp không trả đủ tiền gốc, nếu chậm trả phải chịu lãi suất kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn P, bà Đăng Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.700.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn đồng). Bà Phạm Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, 68, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 273; khoản 1 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 471; 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với ông Nguyễn P và bà Đặng Thị V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn P, bà Đặng Thị V phải trả cho bà Phạm Thị T tổng số tiền 990.000.000 đồng (Chín trăm, chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán các khoản tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Ông Nguyễn P, bà Đặng Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 41.700.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền 18.666.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003195 ngày 09/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị B